

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI HOA Ở HỘI AN THỜI KỲ CÁC CHÚA NGUYỄN

DƯƠNG VĂN HUY*

Người Hoa di trú đến Việt Nam từ rất sớm trong lịch sử, và chúng ta cũng chưa đủ tư liệu để chứng minh được những lớp cư dân người Hoa đầu tiên đến Việt Nam là từ khi nào. Nhưng chỉ đến khi chúa Nguyễn mở mang vùng đất Đàng Trong phát triển kinh tế, thu hút lưu dân để có thể chống lại họ Trịnh ở Đàng Ngoài. Đồng thời, cũng là thời điểm mà người Hoa di cư ra hải ngoại với quy mô lớn và có tổ chức hơn trước. Do vậy, thương cảng Hội An của Đàng Trong là một trong những địa điểm lý tưởng cho sự lựa chọn của những người Hoa di cư xây dựng phố người Hoa đầu tiên, và khi số lượng ngày càng tăng lên thì họ đã phát triển thành cộng đồng cư dân có tổ chức với nhiều hình thức liên kết chặt chẽ như Minh Hương xã, Bang, Hội người Hoa,... Xét về nhiều mặt thì cộng đồng người Hoa ở Hội An được hình thành sớm và tiêu biểu nhất ở Việt Nam. Cũng chính vì vậy, người Hoa ở đây cũng đã giữ vai trò quan trọng trong việc mở mang, phát triển kinh tế, nhất là kinh tế thương mại của thương cảng Hội An nói riêng và Đàng Trong nói chung.

Sự hưng thịnh của Hội An và hình thành cộng đồng người Hoa

Khi chúa Nguyễn tiến hành khai phá Đàng Trong di dân, lập ấp thì tất cả mọi thứ đều thiếu, thiếu về nhân lực, tiền bạc, trang thiết bị vũ khí,... Để bù lấp vào những thiếu hụt đó, chính quyền Đàng Trong đã chiêu mộ cư dân khắp nơi trong đó có cả những lưu dân người Hoa đến để khai phá đất đai, mở rộng cương vực. Đồng thời, để tăng cường tiềm lực kinh tế, chính quyền đã mở cửa thông thương với hải ngoại, để thu thuế tăng nguồn thu ngân sách cho mình. Chính vì vậy, ngoại thương đã trở thành nhân tố quan trọng cho sự tồn vong và phát triển của Đàng Trong. Cùng với sự mở rộng ngoại thương, các thương cảng lần lượt được ra đời, nhưng với vị trí thuận lợi về mặt thương mại, Hội An sớm trở thành thương cảng lớn nhất Đàng Trong và là trạm trung chuyển quan trọng trong tuyến thương mại khu vực và quốc tế. Và, đây cũng là nơi tập trung nhiều nhất các thương nhân ngoại kiều đến cư trú và thương mại, trong đó đầu tiên phải kể đến thương nhân người Nhật, và sau đó là Hoa thương, đến khoảng nửa sau thế kỷ XVII thì Hoa thương đã trở thành lực lượng chủ đạo ở thương cảng Hội An.

Nằm trên con đường thương mại quốc tế Đông - Tây, đặc biệt là “con đường tơ lụa

* Th.S. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

trên biển” và “con đường gốm sứ trên biển”, cộng với nguồn tài nguyên lâm, thủy, hải sản phong phú phục vụ cho khai thác xuất khẩu mà Hội An thực sự đã trở thành một thương cảng, một trung tâm trung chuyển hàng hoá lớn của khu vực và thế giới. Từ khoảng năm 1600 trở về sau, Hội An đã trở thành một nơi hấp dẫn đối với các thuyền buôn Trung Hoa. Người Hoa đã đến cảng thị này buôn bán và xây dựng nên phố buôn bán của mình cùng với thương nhân người Nhật, như lời nhận xét của Cristophoro Borri trong một chuyến đi Đàng Trong năm 1621: *“Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Trung Quốc chọn một địa điểm và nơi thuận lợi để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố này gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ người ta nói được là có hai thành phố, một phố người Trung Quốc và phố người Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, và sống theo tập tục riêng. Người Trung Quốc có luật lệ và phong tục riêng của họ và người Nhật cũng vậy”* (1).

Như vậy, những cộng đồng người Hoa đầu tiên ở Hội An là những những cụm dân cư, hay những phố thương mại của người Hoa, được hình thành do hoạt động thương mại. Thành phần cư dân chủ yếu là những thương nhân, bao gồm hai loại chủ yếu: một loại là những thương khách vì gió mùa không thuận, hoặc do thương vụ kéo dài, không kịp về nước, đành chịu ở lại qua năm để chờ kỳ gió sang năm mới về Bắc; loại thứ hai, là những người muốn cư trú vĩnh viễn hoặc bán vĩnh viễn, họ chủ yếu là những thủ quỹ hoặc đại diện cho thuyền buôn hoặc thương đoàn, một mặt bán các hàng hóa của thuyền mình, mặt khác mua sẵn các thứ thổ sản như tơ lụa, hương kỳ nam, đường, hạt tiêu, yến, vây cá, tô mộc,.. để cho thuyền của thương đoàn của mình mùa

xuân sau khi về đây sẽ có thể chở đầy hàng hoá về Trung Quốc. Trong thời kỳ nhà Thanh lật đổ nhà Minh, và đặc biệt là chiến tranh loạn lạc ở phía Nam Trung Quốc, thì hàng loạt nạn dân di trú vào Đàng Trong, chúa Nguyễn đã cho phép các nạn dân và thương nhân tới các phủ, huyện sở thuộc, và chúa Nguyễn cũng thừa nhận Minh Hương xã, thôn xã do các người di cư của nhà Minh tổ chức, thành nơi cư địa tập trung của họ, và hoan nghênh họ nhập quốc tịch làm biện dân.

Với sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng người Hoa di trú, cùng với sự gia tăng về hoạt động kinh tế thương mại của người Hoa, thì trong khoảng giữa năm 1645 và năm 1653, Minh Hương xã của cộng đồng người Hoa đầu tiên ở Việt Nam đã được thành lập (2). Minh Hương xã là một kết cấu cộng đồng làng xã người Hoa di tản đến Việt Nam và tự nguyện nhập quốc tịch Việt Nam, lấy chữ “Minh” (明) đứng đầu để tưởng nhớ đến triều đại nhà Minh đã suy vong và chữ “Hương” (香) với nghĩa là “hương thơm” và còn nghĩa là “hương hoả” (3). Như vậy, Minh Hương xã có nghĩa là làng xã của những người Hoa di cư vì lí do chính trị, suy tôn nhà Minh, tuy sống trên quê người nhưng vẫn giữ hương thơm, hương hoả của mình. Phần lớn họ là tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến cũng có người tỉnh Chiết Giang và cả những người tỉnh khác nữa.

Cơ cấu của Minh Hương xã, theo như tài liệu của *Hội An Minh Hương tam bảo vụ* thì những vị sáng lập ra làng Minh Hương đầu tiên gồm mười lão gia có uy tín trong cộng đồng người Minh Hương (gọi là *Thập lão*), đứng đầu là Trung Lương Hầu Khổng Thiên Như. *Thập lão*, bao gồm: Khổng lão gia, Nhan lão gia, Dư lão gia, Từ lão gia, Chu lão gia, Hoàng lão gia, Trương

lão gia, Trần lão gia, Thái lão gia, Lưu lão gia (4).

Sau *Thập lão*, thì có còn có *Lục tính hương kỳ lão* hay còn gọi *Lục tính*. Tức là có sáu vị kỳ lão trong làng tiếp tục đứng ra bỏ công sức, tiền của xây dựng mở rộng làng. Họ đều là cựu thân của nhà Minh, giấu quân tước giả làm thường dân di tản đến cảng thị Hội An, họ bao gồm: Ngụy kỳ lão, Trang kỳ lão, Ngô kỳ lão, Thiệu kỳ lão, Hứa kỳ lão, Ngũ kỳ lão. *Lục tính* có nhiều công lao to lớn trong việc củng cố và mở rộng làng Minh Hương trên cảng thị Hội An. Họ bỏ tiền mua thêm nhiều đất đai, lập địa bộ, khai khẩn đất hoang thành ruộng, khai thông sông ngòi, lập đình, xây miếu, dựng chùa, nâng cao uy tín của mình ở thương cảng này (5). Điều hành Minh Hương xã, có các chức vụ sau đây: Cai xã; các hương lão, do các vị tiền bối trong hàng hương trưởng đảm nhận; các Hương trưởng, là những nhân sĩ danh giá, có thế lực trong làng. Hương trưởng là đại diện của dân xã và phải là người có tài sản, có ít nhiều chữ nghĩa.

Với sự thiết lập cộng đồng Minh Hương xã ở Hội An đã khẳng định được vai trò của họ đối với thương cảng Hội An. Họ không chỉ có ưu thế về số lượng so với các thương nhân khác mà còn có ưu thế về hoạt động thương mại, họ trở thành lực lượng thương mại có thể thay thế sự thiếu vắng của nhiều thương nhân Nhật Bản trong thời kỳ Châu Ấn thuyền của Nhật Bản (1592 - 1635) và thương nhân phương Tây thời kỳ chúa Nguyễn tỏ ra cảnh giác với các thuyền buôn phương Tây.

Dân số người Hoa và cơ cấu ngành nghề tại Hội An

Xét về mặt dân số người Hoa ở Hội An thì từ khi người Hoa thiết lập cộng đồng

Minh Hương xã tới nay chưa tìm thấy tư liệu nào xác định một cách cụ thể chính xác. Mặt khác, do lịch sử hình thành và địa bàn phân bố dân cư có tính đặc thù riêng biệt cho nên không thể áp dụng những phương pháp tính toán của dân số học để đoán định một cách tương đối. Ngoài thông tin tư liệu từ Thomas Bowyear đến Hội An vào cuối thế kỷ XVII (1695) cho biết "*Hải cảng chỉ là một con đường phố lớn trên bờ sông, hai bên có hai dãy nhà khoảng 100 nóc toàn là người Trung Hoa ở*" (6), con số 100 nóc nhà này chúng ta cũng không có thể biết được bao nhiêu nóc nhà là người Minh Hương vì người Trung Hoa ở đây bao gồm cả Hoa Kiều (không phải dân Minh Hương xã) và cũng chỉ là con số người Hoa cư trú tại Hội An mà thôi. Chính vì lý do vậy mà chúng ta khó có thể đoán định được dân số xã Minh Hương cuối thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII một cách chính xác hoàn toàn.

Tuy vậy, theo sự thu thập và phân tích tổng hợp từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau, chúng ta cũng có thể ước đoán được một cách tương đối số lượng dân khẩu người Hoa ở Hội An khoảng giữa thế kỷ XVII là khoảng 5.000 người, đến cuối thế kỷ XVIII có khoảng hơn 6000 người, theo như sự ghi chép của Taboulet thì ở Hội An "*Số Hoa kiều ở đây có tới 6000 người và là những đại thương gia*" (7). Có thể con số 6000 chỉ là ước đoán, bởi chỉ riêng số đình (những người phải nộp thuế thân, tức trong độ tuổi lao động) của Minh Hương xã từ năm 1744 đến 1788 cụ thể như sau: Năm 1744 là 759 đình, năm 1746 là 805 đình, 1747 là 866 đình, 1788 là 1063 đình (8). Và, trong năm 1788 thì tổng cộng số đình của xã là khoảng 1063 người như trên đã nói (không ghi số dân đình ở các phủ khác) với khoảng 83 hộ (nếu kể thêm những hộ mới ở các số đình khác thì con số sẽ vượt trên 100 hộ)

nếu như cộng cả đà bà vào thì số dân khoảng hơn 2000 người (9). Ngoài số đình ra nếu kể trẻ em, người già, phụ nữ, thậm chí bớt số dân đình để trốn thuế, nhưng chúng ta có thể ước đoán cứ mỗi suất đình thêm một vợ và một con nhỏ thì dân số xã Minh Hương năm 1747 khoảng 2598, năm 1788 khoảng 2703. Mặt khác, những Hoa kiều không phải là người Minh Hương tại Hội An số lượng biến động khó đoán định, nhưng có lẽ đông nhất vào mùa mậu dịch, hết mùa mậu dịch họ lại theo tàu buôn về nước. Cho nên, con số khoảng 6000 người là bao gồm cả người Hoa Minh Hương xã và Hoa kiều tạm trú tại Hội An vào mùa mậu dịch.

Khi cộng đồng Minh Hương xã được thành lập thì những người trong cộng đồng này theo đuổi nhiều nghề nghiệp khác nhau: Thương nhân, buôn bán nhỏ, thợ thủ công, thầy thuốc, thầy lý số, lao động phổ thông, binh lính, quan lại, quý tộc, nho sỹ... Những tri thức, kinh nghiệm nghề nghiệp của họ vốn rất cần chúa Nguyễn ở Đàng Trong để phát huy những tiềm lực kinh tế, quân sự, phục vụ sự nghiệp củng cố thể lực, mở mang bờ cõi. Vì vậy, các chúa Nguyễn sẵn sàng đón nhận, ưu đãi và trọng dụng họ bằng những chính sách "*Tôn hiền*" đối với các danh sĩ, những người có kinh nghiệm quản lý thương mại, thông ngôn, hay "*lai bách công*" (*thu hút thợ trăm nghề*). Trong lĩnh vực hoạt động thương mại, ngoài hoạt động chính là bao mua, mại biện, mở cửa hiệu đại lý, buôn bằng ghe thuyền khắp nơi trong và ngoài xứ. Các dịch vụ hoạt động liên quan đến thương mại cũng rất phát triển như cho thuê nhà, cho vay lấy lãi, dịch vụ giấy tờ, ăn uống, vui chơi giải trí... Ngoài ra, nghề buôn bán thuốc Bắc và nghề y dược cũng chiếm tỷ lệ lớn trong cộng đồng Minh Hương ở đây. Cộng đồng Minh Hương định cư trên vùng

đất mới có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công-thương nghiệp. Vì vậy, cơ cấu hoạt động ngành nghề của cộng đồng của người Hoa ở đây đa phần là làm kinh doanh, buôn bán (thương mại) và thủ công nghiệp.

Trong lĩnh vực thủ công nghiệp, cư dân Minh Hương tập hợp trong các *Hội thợ đóng thuyền* (Chu Tượng), *Hội thợ chế tạo đồ bạc* (Ngân tượng), *các hộ làm muối* (Diêm hộ), *Kim* (Liêm)... Trong sổ kê dân đình Minh Hương năm 1788, thành phần dân cư Minh Hương trong các hiệp hội này chiếm 185 người. Đặc biệt, một bộ phận lớn của cư dân Minh Hương lập nghiệp tại phố Hội An hoặc các thị tứ trong xứ Quảng để hoạt động kinh doanh, buôn bán, do đó, những người có kinh nghiệm trên lĩnh vực này đã được các chúa Nguyễn cấp châu bằng giao đảm nhận các công việc ở Ty Tàu vụ như kiểm soát thuyền buôn các nước, cân đo, định giá hàng hoá, thông ngôn... Một số người được phong chức cai phủ tàu hoặc được giao những trọng trách liên quan đến hoạt động thương mại, kinh tế, quân sự. Người Minh Hương làm rất nhiều chức dịch của xã hoặc của chính quyền địa phương, theo sổ đình năm Thái Đức 11 (1788) cho thấy, số hương quan, hương chức của xã lên đến 506 người. Trong thành phần cư dân Minh Hương có rất ít người sản xuất nông nghiệp nhưng cũng mang lại cho họ nguồn thu đáng kể và được thực hiện bởi hình thức phát canh thu tô, còn người Minh Hương trực tiếp sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ rất ít (10).

Qua bảng thống kê tình hình hoạt động ngành nghề của cư dân người Minh Hương dưới đây chúng ta hiểu thêm về cơ cấu ngành nghề của một bộ phận người Hoa định cư ở nơi trung tâm thương mại phát triển nhất Đàng Trong - Hội An vào năm 1747.

**Bảng thống kê tình hình hoạt động ngành nghề của cư dân Minh hương
theo sổ dinh năm 1747 (11)**

STT	Địa phương và nghề nghiệp	Số lượng (hộ/người)	Tỷ lệ %
1	Hộ buôn bán tại Phố Hội An	195	22,5
2	Hộ buôn bán tại châu Kim Bồng	11	1,3
3	Hộ buôn bán tại Châu Trà Nghiêu	86	9,9
4	Hộ buôn bán tại phố Phú Chiêm	47	5,4
5	ở các vùng ven Hội An, không ghi rõ nghề nghiệp	250	28,9
6	ở các phủ khác không ghi rõ nghề nghiệp	194	22,4
7	Nghiệm tàu, thông ngôn	34	3,9
8	Già yếu, cô quả, xuất gia	49	5,7
	Tổng cộng	866	100%

Những tiến triển trong hoạt động kinh tế của người Hoa ở Hội An

Trong các thế kỷ XVI - XVIII, Trung Quốc thực hiện chính sách đóng cửa đất nước (Chính sách Hải cấm), đặc biệt là chính sách đóng cửa đối với Nhật Bản (chính sách Sakoku), khiến cho Nhật Bản mất đi thị trường buôn bán ở Trung Quốc. Việc buôn bán trực tiếp giữa hai nước trở nên khó khăn hơn. Cho nên, để bù lấp vào sự thiếu hụt đó các thương nhân Nhật Bản và thương nhân Trung Quốc đã phải dong thuyền xuống các cảng thị ở Đông Nam Á để có được hàng hoá của Trung Quốc, trong đó có Hội An ở Xứ Đàng Trong. Vì vậy, Hội An đã trở thành trạm trung chuyển quan trọng cho những hoạt động thương mại quốc tế. Trong *Khai dương hải nghị* của Hà Kiều Viễn có viết rằng: “*Vì luật pháp cấm, không ai dám thông với Nhật Bản, nhưng có bọn thương gia gian tham đem những hàng hoá trốn đi các nước Giao Chỉ (tức Quảng Nam), người Nhật lại từ đó chuyển vận sang Nhật Bản, như vậy thì (người Nhật) không khác gì trực tiếp mậu dịch với Trung Quốc vậy*” (12). Cũng thời gian đó, có một giáo sĩ Bồ Đào Nha thuộc dòng Jesuite là Valentin Corvalho, cũng có chép rằng: “*gần đây tại Cochinchine đã bắt đầu một thứ mậu dịch rất bất lợi cho người Bồ Đào*

Nha... ta thấy thương gia Trung Quốc đem nhiều tơ lụa tới đó, và người Nhật mua hết để tải về nước” (13).

Thương nhân hoạt động chủ yếu thường xuyên ở đây vẫn là Hoa thương, trừ Quảng Châu phủ thuộc Quảng Đông, Mai Phong thuộc Chiết Giang, ngoài ra đều là thuộc tỉnh Phúc Kiến cả, đúng như lời nhận xét của Thích Đại Sán trong *Hải Ngoại ký sự* như sau: “*Vì Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của thương khách các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại đường cái, hai bên đường phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thấy đều người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiền triều (nhà Minh)*” (14). Mặt khác, “*người Đàng Trong không buôn bán ở ngoài vương quốc của họ, tức là họ tự làm lấy việc đó và ít đến nổi không gọi là buôn bán, vì ngoài việc cho thuyền sang Xiêm và Cao Miên để mua thuốc súng, thì họ bỏ qua các thứ tiện nghi khác của cuộc sống. Người nước ngoài đi tìm xem người Nam kỳ có những thứ gì đặc biệt hoặc họ dùng người Trung Hoa để chở các thứ đó sang Trung Quốc và Nhật Bản, ở đây họ thu về tất cả bạc và tiền được lưu hành ở xứ Nam kỳ*” (15). Cho nên, xét về mặt ngoại thương, những liên hệ với bên ngoài chủ yếu do sự lui tới định kỳ của các tàu buôn nơi khác đến. Nhưng kể từ năm

1636, thời chúa Thượng, các hoạt động mậu dịch với Nhật Bản đã bị chấm dứt. Những tàu buôn Bồ Đào Nha, Anh quốc và Hà Lan cũng dần dần thưa thớt. Các tàu này, trước đây thường tới từ Macao, Madras và Batavia, ngày càng vắng bóng, mặc dù chúa Hiền tỏ ra có ý khích lệ các thương thuyền ngoại quốc đến buôn bán trong xứ.

Thời kỳ này, ngoài các hoạt động thương mại của cả nước nói chung và Đàng Trong nói riêng, người Hoa hầu như nắm trong tay mình tất cả những mối thương mại từ nhỏ đến lớn. Ở tất cả những hang cùng ngõ hẻm, những nơi rừng núi heo hút, cho đến những trung tâm buôn bán, những hải cảng lớn nhỏ đều thấy những bóng dáng Hoa thương cùng rất nhiều của hiệu Trung Quốc hoặc có cả những người Trung Quốc bán rong đi khắp nơi bán hàng. Họ là những người đầu tiên buôn bán với Việt Nam và sau này khi các lái buôn phương Tây thất bại trong việc buôn bán với Việt Nam thì họ lại chính là những người đứng ra nắm lấy tất cả những mối quan trọng trong buôn bán. Năm 1695, lái buôn Anh là Bowyear cũng đã cho biết toàn bộ thương mại ở Faifo là do người Trung Quốc nắm (16). Cũng theo như sự ghi chép của G. Taboulet như đã nói ở trên thì ở Hội An số Hoa kiều ở đây chủ yếu là những thương gia lớn.

Tại thương cảng Hội An, người Hoa không những nắm trong tay công việc tàu vụ (về điều này sẽ nói rõ ở phần sau) ở thương cảng này mà trong các hoạt động thương mại với thị trường nội địa họ cũng bao thu mua và hàng hoá trong vùng để đến kỳ hội chợ họ cung cấp cho các tàu buôn nước ngoài. Mặt khác, họ mang những hàng hoá nước ngoài đi bán khắp các hang cùng ngõ hẻm. Bên cạnh đó, Hoa thương ở Hội An làm nhiệm vụ chuyển vận

hàng hoá từ Trung Quốc đến hoặc có nguồn cung cấp hàng hoá do các tàu buôn đến từ các thương cảng của Trung Quốc, rồi từ đó họ chuyển hàng hoá đến các thương cảng khác của Đông Nam Á và Nhật Bản, hoặc bán cho các tàu buôn phương Tây vào mùa hội chợ. Năm 1744, Piere Poivre ghi lại rằng: *"thành phố Hội An như một cái kho chung của tất cả các hàng hoá và là nơi trú ngụ của thương nhân người Hoa với bến đậu dọc theo bờ một con sông vương đầy ghe thuyền"* (17). Theo như báo cáo trong Dagregister về các năm 1631- 1634, Đàng Trong có thể đã là một địa chỉ quen thuộc. Vào Năm 1631, báo cáo ghi rõ có 5 chiếc thuyền Trung Hoa rời Trung Hoa đi Batavia, 5 chiếc khác tới Đàng Trong, 5 chiếc tới Cao Miên, 2 chiếc đi Batani, 2 chiếc đi Siam và 1 chiếc đi Singgora (Songkhla) (18). Và, trong khoảng từ năm 1647 đến 1720, trong số thuyền buôn Trung Hoa từ các nước Đông Nam Á tới Nhật Bản thì thuyền buôn xuất phát từ Quảng Nam (chủ yếu là Hội An) chiếm vị trí số một (19). Khoảng năm 1750, thương nhân người Pháp là Poivre chỉ ở Hội An cũng thấy 60 thương thuyền Trung Quốc từ các cảng khác nhau tới (20).

Chúng ta cũng thấy rằng, Đàng Trong có một vai trò cực kỳ quan trọng trong nền thương mại giữa Trung Hoa và Nhật Bản (21). Và do vậy, người Nhật tìm cách đầu tư vào nền thương mại ở Đàng Trong qua trung gian các thương nhân người Hoa, sau khi chính sách "đóng cửa" của nhà nước Nhật Bản được thi hành. Các nguồn tư liệu của Hà Lan cho thấy vào năm 1637, người Nhật được lời không dưới 15.000 lạng bạc qua các thương gia người Hoa trong cuộc (22). Đồng thời, các Hoa thương cũng tiến hành mậu dịch giữa Trung Quốc và Đàng Trong, họ còn theo đuổi tam giác mậu dịch

hay mậu dịch đa tuyến khác lấy Đàng Trong là trạm trung chuyển. Như tam giác mậu dịch Trung Quốc - Đàng Trong - Nhật Bản, Trung Quốc - Đàng Trong - Campuchia - Nhật Bản, Batavia - Đàng Trong - Trung Quốc... Chẳng hạn, với thuyền buôn số 59 của Hoa thương chủ thuyền là Lưu Đại Xá từ Campuchia đến Nhật Bản vào năm 1689, những thuyền này vào năm 1688 sau khi xuất phát từ Nagasaki Nhật Bản qua Phúc Châu, ngày 26-2-1689 đến Campuchia, do Campuchia có nội loạn đã phải dừng tại thương cảng Hội An, thuê những thuyền nhỏ đến Campuchia mua hàng hoá rồi chuyển về Hội An, sau đó lại từ Hội An khởi hành đi Nagasaki Nhật Bản (23).

Với vai trò chi phối hoạt động thương mại với Hội An, Hoa thương là những thương nhân chính nắm các đầu mối kinh doanh nội thương và ngoại thương. Thương nhân các nước khác đổ về đây trao đổi hàng hoá đông đúc và hầu hết qua vai trò trung gian của người Hoa. Bên cạnh đó, *“lý do khiến có nhiều thương gia như vậy là hàng năm từ Trung Hoa đến Quinam là vì có thể tìm thấy ở đây một trung tâm buôn bán với các nước và các vùng lân cận. Hồ tiêu được chở tới đây từ Palembang, Pahang và các vùng lân cận; long não từ Borneo, gỗ vang, ngà voi, serong bourang, gumrac và lankien... đồ sứ thô và các hàng hóa khác. Với những gì còn lại, họ có thể mua thêm hồ tiêu, ngà voi, bột gia vị bạch đậu khấu của Quinam,... Do đó, thuyền của họ trở về Trung Hoa thường là đầy hàng”* (24). Theo tính toán của Bowyear năm 1695 thì mỗi năm các thương thuyền từ Nhật Bản, Quảng Đông, Xiêm La, Campuchia, Manila và Batavia đến Hội An tiến hành buôn bán có từ 10 đến 12 thuyền. Năm 1715, thương thuyền Trung Quốc buôn bán ở Đàng Trong

đạt đến con số 80 thuyền mỗi năm (25). Vào năm 1773, trước khi khởi nghĩa Tây Sơn người địa phương nói với người Anh rằng mỗi năm có gần 100 thuyền buôn Trung Hoa đến cảng khẩu Hội An tiến hành mậu dịch (26).

Vào khoảng cuối thế kỷ XVII đầu XVIII, các thương gia người Hoa đã gặp được nhiều thuận lợi hơn khiến họ có thể tạo một số cơ sở cho phép họ chế ngự nền thương mại Đàng Trong trong hai thế kỷ kế tiếp. Trần Kinh Hòa đưa ra ba lý do cốt nghĩa sự kiện. *Thứ nhất*, cuộc ngưng chiến giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn vào 1672 đã mở đầu một thời kỳ hoà bình ở cả hai bên cho tới khi Tây Sơn nổi dậy. Khi không còn chiến tranh đe dọa (do đó không còn cần sự trợ giúp bằng bất cứ giá nào), cả hai chính thể đều trở nên ít dễ dãi hơn đối với các thương gia người châu Âu. Tình hình mới này tạo ra cơ hội cho người Hoa đóng vai trò trung gian giữa hai bên: Việt Nam và người Âu. *Thứ hai*, vào thời kỳ này, các công ty thương mại của người Hoa ở Quảng Đông, đại diện bởi *Thập Tam hăng*, tách riêng *Công hăng*, đã hoạt động một cách tích cực và hữu hiệu, đến độ thuyền của họ *“bắt đầu cung cấp cho tàu châu Âu các sản phẩm của Việt Nam và đồng thời cung cấp cho Việt Nam hàng Trung Hoa và sản phẩm của châu Âu mà Việt Nam cần”*. *Thứ ba*, quy định của Nhật Bản năm 1715 về ngoại thương đã hạ số thuyền của Trung Hoa tới Nhật xuống còn 30 với tổng giá trị hàng hoá là 6.000 *kan* (600.000 lạng bạc) đã tác động mạnh mẽ trên nền thương mại Đàng Trong như làm một số lớn thuyền đã lui tới Nhật hướng về các cảng khác trong vùng Đông Nam Á (27).

Sự hoạt động hiệu quả và thành đạt của người Hoa trong nền thương mại của Đàng Trong cũng do chính sách cởi mở của chúa

Nguyễn đối với Hoa thương. Chúa Nguyễn dùng cả người Nhật và người Hoa vào chính lợi ích của họ. Hoa thương và Nhật thương còn tham gia tích cực vào bộ máy chính quyền Đàng Trong, điều đó khẳng định sự chiếm lĩnh thị trường Đàng Trong và chi phối mạnh mẽ nền thương mại ở đây. Khoảng cuối thế kỷ XVII, hoạt động buôn bán ở Hội An chuyển từ tay người Nhật vào tay người Hoa như trong một ghi chép của một lái buôn Anh là Bowyear về Đàng Trong năm 1695 như sau: "*Faifo gồm một con đường phố trên bờ sông và hai dãy nhà, có khoảng 100 nóc nhà của người Trung Quốc, cũng có 4, 5 gia đình người Nhật Bản. Xưa kia người Nhật là cư dân chính và làm chủ việc thương mại ở hải cảng này, nhưng số ấy đã giảm bớt và của cải của họ cũng sút kém, sự quản trị công việc buôn bán hiện nay lọt vào tay người Trung Quốc, họ có ít nhất độ mười, mười hai chiếc thuyền hàng năm từ Nhật, Quảng Đông, Siam, Cambodia, Manila và từ Batavia tới*" (28). Hơn nữa, Pierre Poivre cũng có nhận xét về điều này vào năm 1744 như sau: "*Về phần buôn bán xứ này, thật ra có thể nói là xứ Đàng Trong không phải là người giàu và người buôn bán giỏi. Cho đến nay họ mới chỉ buôn bán với ngoài cùng người Trung Quốc và người Nhật Bản. Người Nhật đã thôi từ 25 năm theo lệnh của Nhật hoàng, cấm không cho dân ra khỏi đất Nhật. Việc cấm này cũng có ở Đàng Trong. Vì thế người Đàng Trong buộc phải bằng lòng tiêu dùng những hàng hoá do người Trung Quốc mang đến*" (29). Và ông cũng ghi lại "*thành phố Hội An như một cái kho chung của tất cả các hàng hoá và là nơi trú ngụ của thương nhân người Hoa với bến đậu dọc theo bờ một con sông wướng đầy ghe thuyền*" (30).

Năm 1696, báo cáo của Bowyear trong chuyến điều tra tình hình của Quảng Nam cho Công ty Đông Ấn Anh có viết: "*từ Nhật Bản, Quảng Đông, Xiêm La, Cao Miên, Manila cho đến vùng gần nhất là Ba Thành, mỗi năm có ít nhất khoảng 20 thuyền buôn Trung Quốc đến buôn bán*" (31). Đến khoảng năm 1750, theo như sự miêu tả của một thương nhân người Pháp là Pierre Poivre về hoạt động thương mại của Hoa thương ở Quảng Nam thì "*các thương nhân châu á và châu Âu từng buôn bán ở đây không thể địch được với các thương nhân Trung Hoa, chúng tôi thấy mỗi năm có khoảng hơn 60 thuyền buôn của thương nhân Trung Hoa từ các cảng thị khác nhau của Trung Quốc tới đây buôn bán*" (32). Ngoài ra, một bác sỹ từng làm ngự y cho chúa Nguyễn người Đức tên là Koffler cũng ghi chép rằng: "*mỗi năm có khoảng 80 thuyền buôn Trung Quốc từ các vùng đến buôn bán (không bao gồm Macao, batavia và thuyền hàng của nước Pháp)*" (33).

Bên cạnh đó, trong những thuyền Châu ấn mà Nhật Bản gửi đi do các Hoa thương người Phúc Kiến đảm nhiệm đến các khu vực buôn bán trong thế kỷ XVII, thì Quảng Nam (Hội An) luôn chiếm một vị trí quan trọng, chiếm hơn 31% tổng số Châu ấn thuyền do các thương nhân Phúc Kiến phụ trách từ 1603-1624 (14/45 thuyền) (34). Theo những tư liệu được thống kê qua *Hoa di biến thái* thì số thuyền buôn từ 1675- 1699 (Từ năm Khang Hy thứ 14 đến năm thứ 38) số thuyền của người Hoa từ Việt Nam đến Trường Kỳ (Nagasaki) Nhật Bản là 101 chiếc, trong đó thuyền đến từ Quảng Nam là nhiều nhất (53 thuyền), thứ đến là thuyền buôn người Hoa từ Campuchia (30 thuyền), rồi đến thuyền buôn Hoa thương từ Đông Kinh (Đàng Ngoài, với 17 thuyền), ít nhất là từ Chiêm Thành (1 thuyền) (35).

Tác giả *Nicholas Tarling* trong *The Cambridge History of Southeast Asia* cũng đã nhấn mạnh vai trò của người Hoa ở cảng thị Hội An như sau: “Cảng Hội An (*Faifo*), tức Hội An ngày nay, là trung tâm mậu dịch chủ yếu của Việt Nam đầu thế kỷ XVII, cảng thị này do cư dân người Nhật Bản và người Trung Quốc xây dựng nên. Đến năm 1695, người Trung Quốc vẫn chiếm vị trí chủ yếu ở đây, họ kinh doanh từ 10- 12 chiếc thuyền buôn, mỗi năm đều từ Nhật Bản, Quảng Đông, Xiêm, Campuchia, Manila và Batavia đến đây buôn bán” (36).

Mặc dù vậy, chúng ta cũng cần phải biết rằng hoạt động thương mại ở Hội An không phải kéo dài liên tục trong cả năm mà diễn ra theo mùa, gọi là mùa mậu dịch. Quy mô của mùa mậu dịch tương đối lớn và thời gian kéo dài khoảng 4 tháng như vậy, đây là dịp để thương nhân ngoại quốc tiêu thụ những hàng hoá mình mang đến và thu mua những mặt hàng cần mua ở xứ này được tập trung về Hội An. Trong những mùa mậu dịch như thế này những người Hoa ở Đàng Trong, nhất là người Minh hương xã đóng một vai trò quan trọng trong việc tổ chức và cung ứng hàng hoá. Đồng thời họ phối hợp với những Hoa thương về mua hàng hoá từ Trung Quốc sang, vừa huy động được nguồn hàng từ khắp nơi về cho các thuyền buôn người Hoa và các thuyền buôn ngoại quốc khác đến nhận hàng mỗi mùa mậu dịch. Một thương gia lớn họ Châu ở Hội An đã ghi lại lịch trình buôn bán như sau: “Hàng năm đi một chuyến 6 tháng qua, 6 tháng về. Tàu buôn qua cũng như về đi thuận theo gió mùa. Tháng riêng tháng 2 gió Tây Bắc thì ở Quảng Châu qua mua hàng bán trong thời gian 4 đến 5 tháng cho xong, lại sắp đặt chuyến về. Độ cuối tháng 6 đầu tháng 7, đã có gió Đông Nam thì phải về cho kịp mùa gió thuận. Nếu trễ đến tháng 8 thì không

thể về vì nghịch nước và nghịch gió, lại phải ở lại qua năm sau, vừa thuận gió, nước mới về được, thế là trễ mất một chuyến buôn. Đã đến kỳ về mà tàu nào tiêu thụ không ngót hàng hoá thì thuê nhà hoặc cất phố xá, cất hàng lên phố giữ lại, người ở lại coi mua bán, còn tàu phải ra cửa về ngay cho thuận buồm xuôi gió” (37). Bên cạnh đó, nhiều thương gia người Hoa khác định cư ở Hội An rồi tiến hành buôn bán giữa Đàng Trong và các cảng Quảng Đông và Phúc Kiến, theo như ghi chép của gia tộc họ La ở Hội An hiện nay thì “hàng năm dong thuyền từ Quảng Châu tới Hội An rồi ngược dòng Thu Bồn đến các vùng xung quanh để thu mua các loại thổ sản rồi mang sang Quảng Châu, các hàng hoá ở từ Quảng Châu mang đến cũng được tiêu thụ ở đây” (38).

Người Hoa với mạng lưới rải khắp Đàng Trong và các thị trường khu vực, họ lại luôn tạo được những mối làm ăn tốt với từng địa phương, do vậy, họ có ưu thế hơn các thương nhân khác trong việc thu mua hàng hoá. Đây là biện pháp được người Hoa tận dụng triệt để, thực hiện mua được tận gốc, bán được tận ngọn với hiệu quả cao nhất. Người Hoa đặc biệt là những người Hoa đã nhập quốc tịch ở Đàng Trong họ được coi như là dân bản địa nên họ rất rành về hàng hoá, sản vật địa phương, và phương thức thu mua đối với những người dân bản địa. Từ các loại trầm hương, hạt tiêu, cau, vàng mật gấu, sừng tê,... Ở miền Trung, miền núi Quảng Nam đến các loại đường, tơ, lụa, ven sông Thu Bồn, hoặc yến sào ở Hội An, cau, gạo, cá khô,... Ở Gia Định, nơi đâu họ cũng có mặt để thu mua trực tiếp hoặc đặt trước (bao mua). Một ví dụ điển hình của sự bao mua của người Phúc Kiến là “họ cho nông dân vay tiền trước để làm mùa, sau đó độc quyền thu mua toàn bộ lúa và nông sản” (39).

Để có hàng cung cấp cho thuyền buôn ngoại quốc mỗi khi đến mùa mậu dịch ở thương cảng Hội An, thì hệ thống người Hoa nhất là người Minh Hương xã đã có mặt ở hầu hết các địa phương nhất là ở những mạng lưới các trung tâm thương mại nhỏ với vai trò là vệ tinh của Hội An phố. Mạng lưới người Minh Hương xã không chỉ dừng lại ở vùng Quảng Nam mà từng bước mở rộng đến các phủ Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Diên Ninh, Bình Thuận, Gia Định. Ở một số thị tứ lớn tại các phủ này hiện vẫn còn di tích chứng tỏ trước đây người Minh Hương cư trú khá đông như Thu Xà (Quảng Ngãi), Nước Mặn (Quy Nhơn), Hà Tiên, Nông Nại Đại Phố (Biên Hòa), Mỹ Tho Đại Phố (Mỹ Tho). Gia phả của các tộc phái Minh Hương tại Hội An thường ghi lại thực tế về sự chuyển cư của một số người thân trong tộc đến các phủ này để lập nghiệp, kinh doanh buôn bán. Gia phả họ Châu (Minh Hương) tại Hội An có ghi: *"Con cả là ông Bá Tật đi xem tình hình mua bán ở các tỉnh, đến Tân Quang thuộc tỉnh Bình Định gặp anh em quen biết ở rất đông nên ông có ý định lưu cư ở đó mà kinh doanh. Ông thấy trong anh em có vợ đều là An Nam để dễ sự mua bán nên ông có coi được một người con gái họ Vừu cũng là người Tàu nhập tịch Minh Hương, biết mua bán, tính tình hiền hậu,... ông về lại nhà thưa bà cố xin cưới người đó và ở luôn đó làm ăn buôn bán để liên lạc hàng thổ sản như dừa trái, dầu dừa, giầy chạc về Hội An bán lại là một chỗ dễ làm ăn"* (40).

Nhiều văn bản khác của Minh Hương xã cũng phản ánh việc nhiều hiệu buôn Minh Hương tại Hội An thường có cơ sở ở những thị trấn, thị tứ, hay những tụ điểm buôn bán khác ở Đàng Trong. Dựa trên sự gần gũi về mặt quan hệ huyết thống, quan hệ cộng đồng, cư dân Minh Hương ở Hội An

nói riêng và ở Đàng Trong nói chung có lợi thế để kết thành một mạng lưới kinh doanh, buôn bán do họ chi phối với quy mô trải rộng khắp nơi ở Đàng Trong.

Mặt khác, để có được những hàng hoá lâm sản quý hiếm và khoáng sản nhất là vàng thì những thương nhân người Hoa đã đến tận nơi những vùng cung cấp hàng hoá, thực hiện mua tận gốc bán tận ngọn. Việc buôn bán với người Thượng cũng trở nên thuận lợi hơn bởi khoảng cách tới các cảng thị không quá xa, mà các thương nhân chủ yếu dùng đường sông để lên tới những vùng cao xa xôi phía Tây. Chúng ta biết rằng, con đường thương mại quan trọng nhất ở Đàng Trong vào buổi đầu chạy qua đèo Ai Lao, từ sông Mekong đến bờ biển gần Quảng Trị. Tập trung ở đầu thị trấn Cam Lộ, con đường này xuống cảng Cửa Việt và kéo lên Lao Bảo. Đây là con đường thương mại nhộn nhịp nhất trong vùng Thuận Hoá. Từ đèo Ai Lao xuống phía Nam tới Kon Tum, địa hình trở nên khó khăn hơn với những người ở vùng cao lân cận cũng bị giới hạn. Người Thượng bán gỗ quý, mây, sáp ong, mật ong, trâu, quế, cau và vàng. Nhiều gia đình người Hoa làm thương mại đã đến những khu vực vùng núi này để mua bán. Theo như gia phả của gia đình Châu Tiên Lợi, một thương gia ở Hội An vào giữa thế kỷ XVIII, một phần công việc của thương gia này là mua gỗ của người Thượng và đem xuống bờ biển để bán (41).

Bên cạnh đó, ở thương cảng Hội An cũng như những thương cảng khác của Đàng Trong, người Hoa đóng vai trò quan trọng trong việc gắn liền thị trường Đàng Trong với thị trường quê cha đất tổ ở Trung Quốc. Theo gia phả họ Trương (Hội An, gốc Minh Hương) có ghi: *"Hiển Khảo (người cha đã mất) nhiều lần chở hàng hoá về buôn bán ở tỉnh Phúc Kiến"* (42). Hoặc như trong gia

phả họ Châu cũng thể hiện những nỗ lực của họ trong việc tìm kiếm thị trường, mở rộng quan hệ mậu dịch với bên ngoài: *"Lần hồi cũng tính việc bay nhảy sinh phương, sắp đặt kinh doanh, mở đường buôn bán. Vì thấy các ông em đã khảm đôi vừa cặp nên lo diu dắt nhau lên đường tiến thủ nên chỉ ông Cả (Bá Tự) ở Tân Quang về đề nghị cho em là ông Hai cùng ông về Tàu, trước là thăm nhà, tìm mỏ mả và tìm đường giao thiệp với các thương gia mở đường trao đổi hàng hoá qua lại"* (43).

Những tiến triển mạnh mẽ trong hoạt động thương mại của người Hoa ở Hội An đã đem lại cho chính quyền chúa Nguyễn nhiều lợi ích kinh tế. Theo như sự ghi chép của Cristophoro Borri trong một chuyến đi vào Đàng Trong năm 1621 thì: *"Người Trung Quốc và người Nhật là những người làm thương mại chính yếu ở xứ Đàng Trong tại một chợ phiên họp hàng năm ở một hải cảng và kéo dài tới chừng bốn tháng. Người Nhật chở trên thuyền của họ giá trị bằng bốn hay năm triệu bạc, còn người Trung Quốc chở trong tàu họ gọi là "Somes" (thuyền mảnh), rất nhiều thứ lụa mịn và nhiều hàng hoá khác của xứ họ. Chúa thu được lợi nhuận lớn trong việc buôn bán này bằng thuế hàng hoá và thuế hải khẩu ngài đặt ra và cả nước đều kiếm được rất nhiều mỗi lợi không thể tả hết"* (44). Và, với sự tận tâm của người Hoa Minh Hương xã đã đem lại cho Chúa Nguyễn một nguồn thu lớn qua việc thu thuế tàu thuyền đến và đi, mỗi năm nhà chúa thu được tối thiểu cũng một vạn quan, tối đa cũng 3 vạn quan (45).

Nhiều người Hoa trở thành những thương nhân giàu có và nhiều khi chính quyền cũng phải dựa vào thế lực kinh tế của họ. Vào năm 1673, Hoàng Tử Diễn đã viết thư vay 5.000 của thương gia người Hoa tên là Ngụy Cửu Sử (1618-1689), ông

này thường buôn bán ở Đàng Trong, sau đó tới Nhật Bản sinh sống (46). Ngụy Cửu Sử gốc người Phúc Châu - Trung Quốc, húy là Chi Diễm. Sau khi ông sang Nhật cùng anh trai là Lục Sử chuyên buôn bán hàng hoá tuyến Nagasaki tới Hội An và ngược lại. Khi người anh mất Cửu Sử thay công việc của người anh và đến Hội An buôn bán. Ông lấy vợ người Việt là bà Võ Thị Nghị, bà này giúp chồng buôn bán rất đắc lực, gia đình họ trở thành một thương gia lớn ở Hội An, tàu bè tấp nập ra vào. Cửu Sử trở thành bạn của Chúa Hiền, được Chúa trọng đãi, Chúa dựa vào Cửu Sử để mua bạc nén và vũ khí từ Nhật Bản, còn Cửu Sử dựa vào Chúa để khuếch trương thương mại của mình (47). Chúa Nguyễn đã viết bức thư cảm ơn Cửu Sử đã cho mượn tiền cũng chứng tỏ được sức mạnh kinh tế của ông ta ở Hội An, trong thư ông viết: *"Nay chẳng dám nào, nay đang trong lúc chỉnh duyệt lại binh sĩ, sửa sang lại khí giới ngày thường phải trên phí hơn ngàn lượng, được biết người bạn khách hiền có tài kinh doanh lại đương lúc làm ăn đắc ý có phần để, phần dư của cải cũng như sức lực. Kề hèn này xin phiền cho mượn 5.000 lượng để cúng vào nhu dụng, đợi đến lúc thuận chiều trở lại, tàu cập bến tề bang, xin kính cần trả lại ngọc bích, không dư sai tơ hào. Như sẵn lòng, hạ có xin gửi cho viên thuyền chủ Ngô Quang mang về"* (48).

Chính nhờ những ưu thế về kinh nghiệm thương mại với số vốn lớn, có mạng lưới thương mại rộng lớn trong và ngoài nước, giới Hoa kiều, ngay từ buổi đầu đã tạo ra được một hệ thống doanh thương sâu rộng, để thâm tóm các nguồn lợi về nông sản, lâm sản, hải sản và cả khoáng sản trong cõi và có thể cư trú, lập nghiệp bất cứ nơi nào. Dù là những nơi xa xôi hẻo lánh

như các vùng sơn cước, các miền giàu có các sản vật quý báu đối với các giới thương nhân, mà không phải lo ngại sự quấy nhiễu hoặc gây trở lực của nhân dân hay chính quyền sở tại. Sự có mặt của Hoa thương hầu hết trong việc buôn bán các loại hàng hoá đã tạo nên sức cạnh tranh mạnh mẽ đối với các thương nhân khác trong việc giành ưu thế trong hoạt động thương mại ở Đàng Trong, họ ngày càng chiếm thị phần trong những hoạt động thương mại trong xứ. Chính vì vậy, hầu như lái buôn người Hoa họ có vai trò chính trong những hoạt động thương mại ở đây. Không chỉ vậy, các thương nhân người Hoa có những phương thức buôn bán linh hoạt khiến cho họ có

thể nắm được hầu như các đầu mối thương mại trong thị trường nội địa và giữa Đàng Trong với nước ngoài.

Sang đến thế kỷ XVIII, khi mà hoạt động thương mại của Hội An dần dần suy thoái, các trung tâm kinh tế thương mại chuyển dịch vào khu vực Gia Định, Đồng Nai, Hà Tiên,... Hội An dần trở thành thương cảng buôn bán mang tính nội vùng hơn là hướng ngoại. Nhưng, những hoạt động thương mại ở đây vẫn chủ yếu do người Hoa nắm giữ. Mặt khác, nhiều người Hoa ở Hội An đã di cư dần vào trong khu vực Sài Gòn - Gia Định để tiếp tục các hoạt động kinh doanh của mình.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 92.

(2). Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn, 1960, tr.18. Về vấn đề này xin xem thêm Trần Khánh: *Chính sách của nhà nước phong kiến Việt Nam đối với dân Trung Hoa di cư*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6-2000. và cùng tác giả: *Sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ 17-18 và nửa đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5-2001; Châu Thị Hải, *Chính sách của các triều đại phong kiến Việt Nam đối với người Trung Hoa di cư*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 5-1999.

(3). Sau này vào Minh Mạng đổi từ "Minh Hương" hương thơm- hương hoà 香 thành "Minh Hương" (hương thôn 鄉).

(4). Về cấu trúc của Minh Hương Xã, xin xem thêm Trần Kinh Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn 1960; Trần Văn An - Nguyễn Chí Trung - Trần Ánh, *Xã Minh hương với*

thương cảng Hội An thế kỷ 16-19, Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam, 2005.

(5). Lục tính (tức sáu họ) này được cộng đồng Minh Hương về sau suy tôn làm *Hậu hiền thứ nhất* và được thờ hiện nay tại Tuy Tiên Đường Minh Hương (Đình làng Minh Hương, số 14 Trần Phú, Hội An), trước đó có lúc gọi là Truy Viễn Đường. Cũng cần phân biệt Lục tính của Minh hương với Lục tính của cộng đồng Phúc Kiến là các tướng soái của nhà Minh quê ở tỉnh Phúc Kiến, mang các họ Trương, Chu, Huỳnh, Khâm, Thuần và Thập Tam và họ được thờ tại chùa Kim Sơn-Hội Quán Phúc Kiến.

(6). Cadriere, *Les Européens qui out vu le vieux Hué* Thomas Bowyear, BAVH, 1920. Dẫn theo Trần Văn An - Nguyễn Chí Trung - Trần Ánh, *Xã Minh hương với thương cảng Hội An thế kỷ 17-19*, Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam, 2005, tr. 27.

(7). G. Taboulet, *La Geste Fracaice en Indochine (texte 43). Faifo en 1744 d'après Pierre Poive*, dẫn theo Phan Du, *Quảng Nam qua các thời*

đại, Q.thượng, Cổ học tùng thư, 1974, tr.195.

(8). Theo những tư liệu của Minh Hương đang được lưu giữ tại Trung tâm quản lý và bảo tồn di tích Hội An.

(9). Theo, Trần Kinh Hoà, *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn, 1962, tr.18.

(10). Nguyễn Chí Trung, *Cư dân Faifo- Hội An trong Lịch sử*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An. 2005, tr. 78-80.

(11). Trần Văn An, Nguyễn Chí Trung, Trần Anh, *Xã Minh Hương với thương cảng Hội An thế kỷ 17 - 19*, Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An. 2005, tr. 72.

(12). Hà Viễn Kiều, *Kính sơn văn tập*, Q. 24, Nghị Khai dương hải nghị, dẫn theo Trần Kính Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn, 1960.

(13). Léon Pagès, *Histoire de la religion Chrétienne au Japon, t.II Paris 1870, p 164- 165*, dẫn theo Trần Kính Hoà: *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*, Việt Nam Khảo cổ tập san, Sài Gòn, 1960, tr.10.

(14). Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Q.3. Viện Đại học Huế, 1963, tr.154.

(15). Đông Dương - Mô tả bởi cha cố và các nhà du lịch. Tư liệu khoa Lịch sử - ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN.

(16). Xem Dương Văn Huy, *Hoạt động thương mại của người Hoa ở Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sỹ khoa học Lịch sử, năm 2008, tr. 68.

(17), (30). Lallieret Louis. Pierre Poivre. TCVD, 1887, p3. Dẫn theo Nguyễn Quốc Hùng: *Phố cổ Hội An và việc giao lưu văn hoá ở Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng, 2004, tr. 26.

(18). Daghrehist, tập 1, 1631-1634, tr. 66, dẫn theo Litana, *Xứ Đà Nẵng Trong - Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*. Nxb. Trẻ, 1999, tr. 100.

(19). Theo như Li Tana trong *Xứ Đà Nẵng Trong - Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, có đưa ra con số thống kê số ghe thuyền Trung Hoa

từ các nước Đông Nam Á tới Nhật Bản (1647-1720) thì Từ Tongking là 62 chiếc, từ Quảng Nam 203 chiếc, Cambodia 109 chiếc, Siam là 138 chiếc, Patani 49 chiếc, Malacca là 8 chiếc Jakata là 90 chiếc Bantam là 3 chiếc (Litana, *Xứ Đà Nẵng Trong - Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*. Nxb. Trẻ, 1999, tr.101.

(20). Trần Kinh Hoà, *Phố người Đường và thương mại của họ ở Hội An thế kỷ 17-18*, Tân Á học báo, Q.III, số 1, Hồng Kông, 1969.

(21). Vai trò nơi trao đổi hàng hoá của Hội An càng cao, sức hấp dẫn của Hội An càng mạnh đối với người Hoa. Số thuyền từ Đông Nam Á tới Nhật Bản từ 1647-1720 khoảng 30% là đến từ Quảng Nam, và 1/4 của tất cả Châu ấn thuyền của Nhật Bản buôn bán với Đà Nẵng, điều này cho thấy tầm quan trọng của Đà Nẵng như thế nào trong nền thương mại giữa Trung Hoa và Nhật Bản. Các sản phẩm trao đổi và vai trò nơi trao đổi hàng hoá đã làm cho nền kinh tế của Đà Nẵng có thể phồn thịnh ít nhất là 150 năm.

(22), (25), (27). Xem Litana, *Xứ Đà Nẵng Trong - Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Nxb. Trẻ, 1999, tr. 100, 104, 103-104.

(23). Trần Kinh Hoà, *Mậu dịch thuyền người Hoa ở Nagasaki và vận chuyển hàng hải Nhật Bản - Nam Hà*, Nam Dương học báo, Q. 30, tập 1.

(24). Buch, *Oost-Indische Compagnie*, tr 68, dẫn theo Li Tana, *Xứ Đà Nẵng Trong - Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Nxb. Trẻ, 1999, tr.103.

(26). Tiền Giang, *Mậu dịch thuyền mảnh của Trung Quốc ở duyên hải Việt Nam từ thế kỷ 17 - 19*, trong *Tổng tập Lịch sử phát triển hải dương Trung Quốc* (Lưu Trật Phong), Sách chuyên khảo của Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội Nhân văn, Viện Nghiên cứu Trung Ương, Dân quốc, tháng 5 năm 1994.

(28). Phan Khoang, *Việt sử xứ Đà Nẵng 1558- 1777*, Nxb. Văn Học, 2001, tr. 421.

(29). Thành Thế Vỹ, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ 17, 18 và đầu 19*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 229.

(31). Trần Kinh Hoà: *Thanh sơ Hoa bách chi Trường Kỳ cập Nhật- Nam hàng vận*, Singapore, Nam Dương học báo, Q. 13, tập 1, 1957, tr. 6.

(32), (33). Trần Kinh Hoà, *Phố người Đường và thương mại của họ ở Hội An thế kỷ 17-18*, Tân Á học báo, Q.III, số 1, Hồng Kông, 1969, tr. 302.

(34), (35), (41). Dương Văn Huy, *Hoạt động thương mại của người Hoa ở Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sỹ khoa học Lịch sử, năm 2008, tr. 69, 71, 86.

(36). Nicholas Tarling, *The Cambridge History of Southeast Asia*, Vol I, II, Cambridge University Press, 1992, p. 289.

(37). *Châu Mỹ Xuyên - Gia phả tộc Châu*, hiện đang lưu giữ tại Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Quảng Nam.

(38). Theo ghi chép của gia tộc họ La ở Hội An hiện nay, những tài liệu này được thu thập trong chuyến khảo sát tháng từ ngày 13 đến 26 tháng 8 năm 2006 trên địa bàn Hội An.

(39). Nguyễn Cẩm Thúy, *Định cư của người Hoa trên đất Nam Bộ (từ thế kỷ 17 đến 1945)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 37.

(40), (43). Trần Văn An - Nguyễn Chí Trung - Trần ánh, *Xã Minh hương với thương cảng Hội An thế kỷ 17-19*, Trung tâm bảo tồn di sản, di tích Quảng Nam, 2005.

(42). Fukui Hayao, *The Dry Areas in Southeast Asia - Harsh or Benign Environment?*, The Center for Southeast Asia Studies (CSEAS), Kyoto University, 1999.

(44). Cristophoro Borri, *Xứ Đà Nẵng năm 1621*, Nxb. Tp.Hồ Chí Minh, 1998, tr. 90.

(45). Sau khi bộ máy quản lý ngoại thương được hoàn thiện thì nhà nước cũng tiến hành chế độ trưng thu thuế đối với tàu thuyền xuất nhập cảng.

Thuế trưng thu ở các bến cảng có những quỹ định nhất định đối với tàu nhập bến và tàu xuất bến. Theo như ghi chép của *Phủ biên tạp lục* thì “tàu Thượng Hải lệ thuế đến là 3.000 quan, thuế về là 300 quan, tàu Quảng Đông lệ thuế đến là 3.000 quan, thuế về là 300 quan, tàu Phúc Kiến lệ thuế đến là 2.000 quan, thuế về là 200 quan, tàu Hải Nam lệ thuế đến là 500 quan thuế về là 50 quan, tàu Tây Dương lệ thuế đến là 8.000 quan, thuế về là 800 quan, tàu Macao lệ thuế đến là 4.000 quan, thuế về là 400 quan, tàu Nhật Bản lệ thuế đến là 4.000 quan, thuế về là 400 quan, tàu Xiêm la lệ thuế đến là 2.000 quan, thuế về là 200 quan, tàu Lữ Tống lệ thuế đến là 2.000 quan, thuế về là 200 quan, tàu Cựu Cảng lệ thuế đến là 500 quan, thuế về là 50 quan, tàu trấn Hà Tiên lệ thuế đến là 300 quan, thuế về là 30 quan, tàu Sơn Đô lệ thuế đến là 300 quan, thuế về là 30 quan” (theo Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 231, 232). Và như vậy, triều đình thu được những khoản thu lớn từ thuế tàu này, chẳng hạn như “năm tân mao, tàu buôn các sứ đến Hội An 16 chiếc, tiền thuế là 30.800 quan; năm Nhâm Thìn 12 chiếc, tiền thuế là 14.300 quan; năm Quý Tỵ 8 chiếc, tiền thuế là 13.200 quan” (theo Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 232).

(46). Trần Kinh Hoà, *Phố người Đường và thương mại của họ ở Hội An thế kỷ 17-18*, Tân Á học báo, Q.III, số 1, Hồng Kông, 1969, tr. 298.

(47). Nguyễn Văn Xuân, *Những phú gia dịch quốc của Hội An thế kỷ 17, 18, 19*, Huế Xưa & Nay, số 15, 1996, tr. 92-95.

(48). Trịnh Tiến Thuận, *Quan hệ Nhật Bản-Việt Nam thế kỷ 16-17*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội, 2001, tr. 120.